SỞ Y TẾ TP.HCM
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Số: 325/TB-BVTMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v: Mời chào giá dự toán "Cung cấp máy lạnh năm 2026"

Bệnh viện Tai Mũi Họng đang có kế hoạch lựa chọn nhà thầu "Cung cấp máy lạnh năm 2026" (theo mẫu đính kèm - Phụ lục 1):

Bệnh viện kính mời các Quý Công ty có chuyên môn, kinh nghiệm và năng quan tâm đến Bệnh viện chúng tôi khảo sát và chào giá theo danh mục để Bệnh viện làm giá dự toán thực hiện gói thầu này theo đúng quy định.

- Thời gian: từ ngày nhận được thông báo đến ngày 29 / 5 /2026.

- Lưu ý:

+ Bản báo giá cần ký tên đóng dấu xác nhận của Quý Công ty, để vào bao thư dán kín

+ Ngoài bao thư ghi rõ tên Quý Công ty và ghi thêm "Bảng chào giá Cung cấp máy lạnh năm 2026".

+ Gửi qua văn thư (bảo vệ cổng số 4)

Mọi thắc mắc xin liên lạc về Phòng Hành chính Quản trị Bệnh viện Tai Mũi Họng, số 155B Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, TP.HCM (điện thoại: 028. 3931 7381)

Rất mong được sự quan tâm của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- P. QLCL (để kiểm duyệt);
- P. CNTT (đăng tải website BV);
- Lưu: VT, HCQT (PTHA/03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Khưu Minh Thái

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 325/TB-BVTMH ngày 22 tháng 5 năm 2026)

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
01	Máy lạnh treo tường công suất 1.0 HP	Bộ	80	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Daikin - Máy lạnh 1 chiều, loại treo tường - Nguồn điện 1 pha, 220V, 50Hz - Công suất lạnh: 2.72 kW / 9300 Btu/h - Dòng điện hoạt động: 3.8 A - Điện năng tiêu thụ : 798 W - Chỉ số hiệu xuất lạnh toàn mùa CSPF: 3.62 - Có bộ điều khiển không dây - Chiều dài lắp đặt tối đa của ống đồng: 15m - Chênh lệch độ cao lắp đặt tối đa của dàn nóng và dàn lạnh: 12m *** Dàn lạnh (tương đương FTF25XAVTV)** - Màu mặt nạ: trắng - Lưu lượng gió: + Cao: 10.2 m^3/phút + Trung bình: 8.3 m^3/phút + Thấp: 5.9 m^3/phút - Tốc độ quạt: 5 cấp và tự động - Độ ồn: + Cao: 38 dB(A) + Trung bình: 33 dB(A) + Thấp: 26 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (285*770*242)mm - Khối lượng: 9kg *** Dàn nóng (tương đương RF25XAV1V)** - Màu vỏ máy: trắng ngà - Dàn tản nhiệt ống đồng cánh nhôm chống ăn mòn: Các cánh trao đổi nhiệt của dàn nóng được sơn phủ 2 lớp tĩnh điện: lớp nhựa acrylic và lớp thấm nước để tăng khả năng chống mưa axit và sự ăn mòn của muối - Loại máy nén: Rotary dạng kín - Môi chất lạnh: + Công suất đầu ra: 710 W + Loại: R-32 + Khối lượng nạp: 0.65 kg - Độ ồn: 50 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (418*695*244)mm + Khối lượng: 26kg - Kết nối ống + Lỏng: Ø 6.4 mm + Hơi: Ø 9.5mm + Nước xả: Ø 16mm

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
02	Máy lạnh treo tường công suất 1.5 HP	Bộ	90	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Daikin - Máy lạnh 1 chiều, loại treo tường - Nguồn điện 1 pha, 220V, 50Hz - Công suất lạnh: 3.26 kW / 11100 Btu/h - Dòng điện hoạt động: 4.3 A - Điện năng tiêu thụ : 933 W - Chỉ số hiệu xuất lạnh toàn mùa CSPF: 3.71 - Có bộ điều khiển không dây - Chiều dài lắp đặt tối đa của ống đồng: 20m - Chênh lệch độ cao lắp đặt tối đa của dàn nóng và dàn lạnh: 15m *** Dàn lạnh (tương đương FTF35XAVTV)** - Màu mặt nạ: trắng - Lưu lượng gió: + Cao: 11.4 m^3/phút + Trung bình: 8.3 m^3/phút + Thấp: 7.3 m^3/phút - Tốc độ quạt: 5 cấp và tự động - Độ ồn: + Cao: 39 dB(A) + Trung bình: 33 dB(A) + Thấp: 30 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (285*770*242)mm - Khối lượng: 9kg *** Dàn nóng (tương đương RF35XAV1V)** - Màu vỏ máy: trắng ngà - Dàn tản nhiệt ống đồng cánh nhôm chống ăn mòn: Các cánh trao đổi nhiệt của dàn nóng được sơn phủ 2 lớp tĩnh điện: lớp nhựa acrylic và lớp thấm nước để tăng khả năng chống mưa axit và sự ăn mòn của muối - Loại máy nén: Rotary dạng kín - Môi chất lạnh: + Công suất đầu ra: 855 W + Loại: R-32 + Khối lượng nạp: 0.71 kg - Độ ồn: 51 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (550*658*275)mm + Khối lượng: 30kg - Kết nối ống + Lỏng: Ø 6.4mm + Hơi: Ø 12.7mm + Nước xả: Ø 16mm
03	Máy lạnh treo tường công suất 2.0 HP	Bộ	40	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Daikin FTF - Máy lạnh 1 chiều, loại treo tường - Nguồn điện 1 pha, 220V, 50Hz - Công suất lạnh: 5.02 kW / 17100 Btu/h - Dòng điện hoạt động: 7.9 A - Điện năng tiêu thụ : 1630 W - Chỉ số hiệu xuất lạnh toàn mùa CSPF: 3.27

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				- Có bộ điều khiển không dây - Chiều dài lắp đặt tối đa của ống đồng: 20m - Chênh lệch độ cao lắp đặt tối đa của dàn nóng và dàn lạnh: 15m *** Dàn lạnh (tương đương FTF50XV1V)** - Màu mặt nạ: trắng - Lưu lượng gió: + Cao: 18.1 m^3/phút + Trung bình: 15 m^3/phút + Thấp: 11.9 m^3/phút - Tốc độ quạt: 5 cấp và tự động - Độ ồn: + Cao: 45 dB(A) + Trung bình: 40 dB(A) + Thấp: 35 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (295*990*263)mm - Khối lượng: 13kg *** Dàn nóng (tương đương RF50XV1V)** - Màu vỏ máy: trắng ngà - Dàn tản nhiệt ống đồng cánh nhôm chống ăn mòn: Các cánh trao đổi nhiệt của dàn nóng được sơn phủ 2 lớp tĩnh điện: lớp nhựa acrylic và lớp thấm nước để tăng khả năng chống mưa axit và sự ăn mòn của muối - Loại máy nén: Rotary dạng kín - Môi chất lạnh: + Công suất đầu ra: 1320 W + Loại: R-32 + Khối lượng nạp: 0.73 kg - Độ ồn: 52 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (595*845*300)mm + Khối lượng: 37kg - Kết nối ống + Lỏng: Ø 6.4mm + Hơi: Ø 15.9mm + Nước xả: Ø 16mm
04	Máy lạnh treo tường công suất 2.5 HP	Bộ	30	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Daikin - Công nghệ Inverter - Với 2 lớp lọc, Enzyme Blue+PM2.5 loại bỏ bụi mịn PM2.5 và các yếu tố gây mùi hôi trong gia đình, chống vi khuẩn, virus, các chất gây dị ứng - Luồng gió độc đáo Coanda đi dọc theo trần nhà, phân bố không khí tươi mát đều khắp phòng, tránh gió lùa trực tiếp vào cơ thể, giúp mang lại cảm giác thoải mái tối đa. - Máy lạnh 1 chiều, loại treo tường - Công suất định danh: + Tối thiểu-tối đa: 1.4-6 kW + Tối thiểu-/tối đa: 4800-20500 Btu/h - Nguồn điện 1 pha, 220V-240V, 50Hz

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				- Dòng điện hoạt động định mức: 9.7A - Điện năng tiêu thụ định mức: 2060 W + Tối thiểu: 370 W + Tối đa: 2,200 W - Chỉ số hiệu xuất lạnh toàn mùa CSPF: 5.25 - Có bộ điều khiển không dây - Chiều dài lắp đặt tối đa của ống đồng: 30 m - Chênh lệch độ cao lắp đặt tối đa của dàn nóng và dàn lạnh: 20 m *** Dàn lạnh (tương đương FTKB60XVMV)** - Màu mặt nạ: trắng sáng - Lưu lượng gió: + Cao: 13.7 m^3/phút + Trung bình: 12.1 m^3/phút + Thấp: 9.9 m^3/phút + Yên tĩnh: 7.2 m^3/phút - Tốc độ quạt: 5 bước, yên tĩnh và tự động - Độ ồn: + Cao: 45 dB(A) + Trung bình: 42 dB(A) + Thấp: 37 dB(A) + Yên tĩnh: 27 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (285*770*242)mm - Khối lượng: 8kg *** Dàn nóng (tương đương RKB60X1VMV)** - Màu vỏ máy: trắng ngà - Máy nén: + Loại: Swing dạng kín + Công suất đầu ra: 1300 W - Môi chất lạnh: + Loại: R-32 + Khối lượng nạp: 0.53 kg - Độ ồn (cao/rất thấp): 52/47 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (595*845*300)mm + Khối lượng: 35 kg - Kết nối ống + Lỏng: Ø 6.4 mm + Hơi: Ø 12.7 mm + Nước xả: Ø 16mm
05	Máy lạnh âm trần suất 5 HP		10	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Daikin - Máy lạnh 1 chiều, loại âm trần - Công suất định danh: 48,000 Btu/h – 14.1 kW - Nguồn điện 3 pha, 380-415V, 50Hz - Dòng điện hoạt động định mức: 9.7A - Công suất điện tiêu thụ (làm lạnh): 5.04 kW - Chỉ số hiệu xuất lạnh toàn mùa CSPF: 2.97 Wh/Wh - Hệ số hiệu suất năng lượng (COP): 2.8 W/W - Chiều dài đường ống tối đa: 50 m - Chênh lệch độ cao tối đa khi lắp đặt: 30 m

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				*** Dàn lạnh (tương đương FCNQ48MV1)** - Kích thước mặt nạ: 950*950 mm - Màu mặt nạ: trắng - Lưu lượng gió: + Cao: 33 m^3/phút – 1,165 cfm + Thấp: 22.5 m^3/phút – 794 cfm - Tốc độ quạt: có thể thay đổi: cao/thấp - Độ ồn: + Cao: 44 dB(A) + Thấp: 36 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (298*840*840) mm - Khối lượng của thiết bị: 24 kg - Dãy hoạt động được chứng nhận: 14 đến 25 ^{O}CWB *** Dàn nóng (tương đương RNQ48MY1)** - Màu vỏ máy: trắng ngà - Máy nén: + Loại: kiểu xoắn ốc dạng kín + Công suất động cơ điện: 4.5 kW - Môi chất lạnh: + Loại: R410A + Khối lượng nạp: 3.2 kg (nạp cho 15m) - Độ ồn: 58 dB(A) - Kích thước(Cao*Rộng*Dày): (1345*900*320)mm - Khối lượng: 111 kg - Dãy hoạt động được chứng nhận: 21 đến 46 ^{O}CDB - Ống kết nối: + Lỏng: Ø 9.5 mm + Hơi: Ø 15.9 mm + Ống xả: . Dàn lạnh: VP25 (đường kính trong Ø 25mm, đường kính ngoài Ø 32mm . Dàn nóng: Ø 26mm (Lỗ) - Cách nhiệt: cả ống hơi và ống lỏng
06	CB điện MCB-1P-16A	Cái	80	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Panasonic - Sử dụng cho máy lạnh 1HP - Cầu dao tự động 1 cực – MCB 1P - Dòng điện định mức (A): 16A - Điện áp định mức (V): 240VAC - Dòng cắt ngắn mạch: 6kA - Tự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch - Có 3 trạng thái nhận biết: Đóng điện-Tắt điện-Ngắn mạch. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: IEC 60898 và IEC 60947-2
07	CB điện MCB-1P-20A	Cái	160	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Panasonic - Sử dụng cho máy lạnh 1.5HP, 1.5HP, 2HP - Cầu dao tự động 1 cực – MCB 1P - Dòng điện định mức (A): 20A - Điện áp định mức (V): 240VAC - Dòng cắt ngắn mạch: 6kA

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				- Tự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch - Có 3 trạng thái nhận biết: Đóng điện-Tắt điện-Ngắn mạch - Tiêu chuẩn kỹ thuật: IEC 60898, IEC 60947-2
08	CB điện MCB-3P-16A	Cái	10	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Panasonic - Sử dụng cho máy lạnh 5HP - Cầu dao tự động 3 cực – MCB 3P - Dòng điện định mức (A): 16A - Điện áp định mức (V): 415VAC - Dòng cắt ngắn mạch: 6 kA - Tự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch - Có 3 trạng thái nhận biết: Đóng điện-Tắt điện-Ngắn mạch - Tiêu chuẩn kỹ thuật: IEC 60898, IEC 60947-2
09	Bộ hẹn giờ	Cái	10	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu CHINT KG316T - Chuyên dùng để tự động bật/tắt các thiết bị điện - Điện áp hoạt động: 240V AC - 50/60Hz - Chu kỳ cài đặt: Theo ngày hoặc theo tuần - Số chương trình: 16 lần Bật (ON) và 16 lần Tắt (OFF) - Pin dự trữ (lưu chương trình): Pin sạc liền bên trong thiết bị (không cần thay thế) - Kiểu lắp đặt: Gắn thanh ray DIN 35mm - Tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-5-1
10	Bộ hẹn giờ	Cái	10	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu CHINT NKG3 - Chuyên dùng để tự động bật/tắt các thiết bị điện - Điện áp hoạt động: 240V AC - 50/60Hz - Chu kỳ cài đặt: Theo ngày hoặc theo tuần - Số chương trình: 16 lần Bật (ON) và 16 lần Tắt (OFF) - Pin dự trữ (lưu chương trình): Pin sạc liền bên trong thiết bị (không cần thay thế). - Kiểu lắp đặt: Gắn thanh ray DIN 35mm - Tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-5-1
11	Dây điện đơn 2.0	Mét	5600	Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Cadivi - 100m/cuộn (1x2.mm2) - Cáp ruột đồng, cách điện bằng PVC - Tiêu chuẩn: TCVN 6612/IEC 60228 - Sử dụng cho máy lạnh 1HP
12	Dây điện đơn 2.5	Mét	11900	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Cadivi - 100m/cuộn (1x2.5mm2) - Cáp ruột đồng, cách điện bằng PVC - Tiêu chuẩn: TCVN 6610-3/IEC 60227-3 - Sử dụng cho máy lạnh 1.5HP,2HP, 2.5HP và 5HP
13	Ống đồng Ø 6/10 luồng gen đôi	Mét	800	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu LHCT - Đường kính ngoài ống đồng ~ 6.35/9.52 mm - Bề dày thành ống đồng: ≥ 0,7mm

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				- Có bọc lớp bảo ôn cách nhiệt để bảo vệ đường ống và giữ nhiệt độ cho ống gas lạnh - Sử dụng cho máy lạnh 1HP
14	Ống đồng Ø 6/12 luồng gen đôi	Mét	1300	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu LHCT - Đường kính ngoài ống đồng ~ 6.35/12.7 mm - Bề dày thành ống đồng: ≥ 0,7mm - Có bọc lớp bảo ôn cách nhiệt để bảo vệ đường ống và giữ nhiệt độ cho ống gas lạnh - Sử dụng cho máy lạnh 1.5HP, 2HP
15	Ống đồng Ø 10/16 luồng gen đôi	Mét	400	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu LHCT - Đường kính ngoài ống đồng ~ 9.52/15.88 mm - Bề dày thành ống đồng: ≥ 0,7mm - Có bọc lớp bảo ôn cách nhiệt để bảo vệ đường ống và giữ nhiệt độ cho ống gas lạnh - Sử dụng cho máy lạnh 2.5HP, 5HP
16	Máy bơm nước	Cái	120	- Tính năng kỹ thuật tương đương nhãn hiệu Value M1 - Dùng xử lý nước ngưng tụ cho máy lạnh (dùng cho các vị trí không có ống thoát nước tự nhiên). - Vận hành tự động: Tự động bơm khi nước đầy bình và ngắt khi cạn nước. - Lưu lượng bơm: 20 - 25 lít/giờ - Chiều cao đẩy (cột áp): Tối đa lên đến 10 - 12 mét - Đẩy ngang: Lên tới 20 mét - Điện áp: 220V-240V/ 50Hz - Độ ồn: Rất thấp, khoảng 19 dB(A) - Dung tích bình chứa: ~ 200 ml - Sử dụng cho máy lạnh 1HP, 1.5HP, 2HP, 2.5HP
17	Ống nước thải	Mét	1500	- Bằng nhựa, dạng ruột gà loại mềm, đường kính Ø 21 - 50m/cuộn - Tiêu chuẩn tương đương với ống ruột gà Vĩnh Tiến
18	Ống nước thải	Mét	1500	- Bằng nhựa PVC , đường kính Ø 21 - Được sử dụng để gom nước thải (phía bên ngoài - Đặc tính kỹ thuật tương đương ống nhựa Bình Minh
19	Ống luồn dây điện mềm Ø20mm	Mét	2500	- Ống mềm luồn dây điện dạng xoắn, làm từ nhựa PVC - Đường kính danh nghĩa ống: 20mm ; 50m/cuộn - Có khả năng tự chống cháy, không cháy thành ngọn lửa khi đốt cháy trực tiếp, ngọn lửa tự dập tắt trong thời gian nhỏ hơn 30 giây - Cách điện tốt, chịu được điện áp đến 2000V
20	Giá đỡ giàn nóng	Cặp	250	- Kích thước, độ dày phù hợp với dàn nóng. - Bằng sắt mạ kẽm, sơn tĩnh điện - Có thể chịu tải trọng dàn nóng trên 60 kg
21	Vật tư phụ	Bộ	250	- Bao gồm: Bu lông, ốc vít, băng cuốn bảo ôn, nối co,nối thẳng, nối T, keo dán băng dính trong, băng dính điện, … - Dùng để lắp ráp hoàn chỉnh 01 máy lạnh
22	Nhân công lắp máy lạnh	Bộ	250	Lắp ráp hoàn chỉnh 01 máy lạnh, hoạt động tốt

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
23	Nhân công tháo máy lạnh	Bộ	50	Tháo máy lạnh cũ trên dàn